

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ý Nhi.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1975; *nơi đăng ký HKTT:* Số 14, đường số 58, tổ 4, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú:* Số 02, đường số 14, tổ 3, thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Cô Văn C, sinh năm 1971; *nơi cư trú:* Số 14, đường số 58, tổ 4, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2020, các bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công

khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Chị và anh Cô Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có lối sống ích kỷ, gia trưởng, bạo lực gia đình; anh C thường xuyên uống rượu rồi vô cớ gây sự đánh đập chị và các con nhiều lần. Vì anh C có hành vi đe dọa đánh đập chị nên chị phải ra ngoài để thuê nhà ở từ ngày 02/9/2020 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị và anh C không tìm được tiếng nói chung, không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết cho chị được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Cô Bảo C1, sinh ngày 15/5/2007 và Cô Hoàng B1, sinh ngày 19/9/2012. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các con chung hiện nay đang ở cùng với chị L.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu thể hiện, tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà xây cấp 4 (xây tạm), được xây dựng vào năm 2012. Xây cất trên thửa đất số 331, tờ bản đồ số 98, diện tích 160,2m² theo giấy chứng nhận QSD đất số CA 275485 cấp ngày 15/01/2016 đứng tên Võ Thị L. Thửa đất này là tài sản riêng của chị, chị mua thửa đất này vào năm 2006 (trước khi kết hôn với anh C) của bà Văn Thị L1 ở tổ 4, thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; 01 chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, giấy tờ xe đứng tên là Võ Thị L (xe máy và giấy tờ xe do anh C đang quản lý); 01 tủ lạnh hiệu Sony; 01 ti vi hiệu Sam sung. Chị L yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Riêng về căn nhà thì chị L yêu cầu được sở hữu, vì xây cất trên thửa đất là tài sản riêng của chị, chị sẽ bồi trả bằng tiền mặt cho anh C. Ngày 16/12/2020, chị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn đối với bị đơn anh Cô Văn C.

Tại phiên tòa, chị L khai: Chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn. Chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cô Văn C. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các con chung hiện nay đang ở cùng với chị.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/11/2020, bản khai ngày 16/12/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Cô Văn C trình

bày: Anh và chị Võ Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Ngoài ra anh C phát hiện chị L nhắn tin với người đàn ông khác, vợ chồng có xảy ra cãi vã nên anh có đánh đập chị L. Chị L thường xuyên bỏ nhà đi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Anh đề nghị chị L về nhà thỏa thuận vấn đề con chung và tài sản thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C khai thống nhất là anh và chị L có 02 con chung là Cô Bảo C1, sinh ngày 15/5/2007 và Cô Hoàng B1, sinh ngày 19/9/2012. Anh đồng ý với nguyện vọng của các con. Nếu các con có nguyện vọng ở chung với chị L thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 2007, chị Võ Thị L tự nguyện kết hôn với anh Cô Văn C, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có lối sống ích kỷ, gia trưởng, thường xuyên uống rượu vô cớ gây sự, đánh đập vợ và các con nên chị L phải ra ngoài thuê nhà để ở từ ngày 02/9/2020. Xét thấy, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh C, anh chị không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cô Bảo C1, sinh ngày 15/5/2007 và Cô Hoàng B1, sinh ngày 19/9/2012. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, hai cháu C1 và B1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện chị L đang nuôi dưỡng 02 con. Vì vậy nên giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Yêu cầu cấp dưỡng của chị L là có căn cứ nên buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Cô Văn C nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn: Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Vì vậy, cần ra quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01.2007 của Ủy ban nhân dân xã M thì thấy rằng, anh Cô Văn C và chị Võ Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được

tính cách của nhau, mâu thuẫn về kinh tế và không còn sự tin tưởng lẫn nhau. Anh C yêu cầu chị L thỏa thuận về tài sản và con chung thì anh mới đồng ý ly hôn. Nhận thấy, anh C cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh C khai thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Cô Bảo C1, sinh ngày 15/5/2007 và Cô Hoàng B1, sinh ngày 19/9/2012. Nay chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Bảo C1 và cháu Hoàng B1 đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở cùng với chị L, đồng thời anh C cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Theo lời khai của chị L thì hiện nay hai cháu C1 và B1 đang sinh sống cùng chị L. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Anh C không thuộc trường hợp không phải cấp dưỡng nuôi con, do đó yêu cầu của chị L là có căn cứ và mức yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với thực tế tại địa phương nên được chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho chị L tiền tạm ứng án phí về chia tài sản khi ly hôn. Chị L là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức L. Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[2.6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 217, Điều 218 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về hôn nhân:** Chị Võ Thị L ly hôn anh Cô Văn C.

- **Về con chung:** Giao cho chị Võ Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Cô Bảo C1, sinh ngày 15/5/2007 và Cô Hoàng B1, sinh ngày 19/9/2012. Anh Cô Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con (02 con = 2.000.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Cô Văn C phải cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh C còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị L có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị L.

- **Về nợ chung:** Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003931 ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Hoàn trả lại cho chị L 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Cô Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/02/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND xã M, Đ, Bình Thuận,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận